

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên và ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở, TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1982;

ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Đào Thị X, sinh năm 1983;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nước Nga

Tại phiên tòa anh T và chị X đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Duy T trình bày: Anh và chị Đào Thị X được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2004 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2011, vợ chồng cùng sang nước Nga để lao động. Đến năm 2013, anh về nước còn chị X vẫn ở lại lao động. Từ khi về nước, vợ chồng không thống nhất quan điểm về kinh tế, chị X thỉnh thoảng mới gửi tiền về cho anh. Từ năm 2016 cho đến nay, chị X không gửi tiền về cho anh để trả nợ và nuôi dạy con chung, mà lại gửi tiền về cho bố mẹ đẻ chị X, trong khi cuộc sống của anh và các con rất khó khăn. Anh gọi

điện đề nghị chị X về nước, tuy nhiên chị X nói sẽ không về vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh T xác định cuộc sống vợ chồng của anh và chị X ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng, cả hai bên không đem lại hạnh phúc cho nhau. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị X để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/02/2005 và Nguyễn Đào Huyền T1, sinh ngày 11/5/2007. Anh T xin được nuôi cả 02 con chung và không đề nghị chị X cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Bùi Thị S là mẹ của chị Đào Thị X. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2020 và 26/3/2020, bà S trình bày: Anh T và chị X kết hôn từ đầu năm 2004. Hiện nay, chị X đang lao động tại nước Nga. Chị X đã được bà thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi và chị X cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh T làm đơn xin ly hôn, chị X xác định vợ chồng ly thân nhau từ lâu, vợ chồng không liên lạc với nhau, tình cảm không còn. Chị X đồng ý ly hôn anh T. Anh T và chị X kết hôn sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/02/2005 và Nguyễn Đào Huyền T1, sinh ngày 11/5/2007. Chị X cũng đồng ý để anh T xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng. Do chị X không cung cấp địa chỉ cụ thể ở nước Nga nên bà không thể cung cấp cho Tòa án.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 1211/QLXNC-P5 ngày 31/01/2020 thể hiện: Chị Đào Thị X, sinh ngày 13/5/1983 tại Hải Dương, CMND số: 142082857, địa chỉ thường trú tại: xã T, B, Hải Dương; đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu B5735893; có thông tin xuất nhập cảnh ngày 02/12/2011 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu trên, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Về hướng giải quyết vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương xác định do thời hạn chuẩn bị xét xử chưa hết nên đề nghị HĐXX cần tiếp tục yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ,

hết thời hạn chuẩn bị xét xử thì sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về Tố tụng: Anh Nguyễn Duy T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa anh và chị Đào Thị X. Chị X hiện đang sinh sống tại Nga. Do đó, TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy T và chị Đào Thị X được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2004 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Đào Thị X đi lao động tại nước ngoài, từ năm 2013 đến nay vợ chồng không thống nhất quan điểm về kinh tế, chị X thỉnh thoảng mới gửi tiền về cho anh T. Từ năm 2016 cho đến nay, chị X không gửi tiền về cho anh T để trả nợ và nuôi dạy con chung, mà lại gửi tiền về cho bố mẹ đẻ chị X. Một mình anh T chăm lo cuộc sống cho gia đình và hai con chung. Anh T mong muốn chị X về nước để cùng làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung, tuy nhiên chị X nói sẽ không về vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh T xác định cuộc sống vợ chồng của anh và chị X ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng, cả hai bên không đem lại hạnh phúc cho nhau. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh T và chị X là trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị X có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/02/2005 và Nguyễn Đào Huyền T1, sinh ngày 11/5/2007. Hiện nay hai con đang sống cùng anh T. Anh T xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bản thân cháu A và cháu T1 có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, cháu A và T1 do anh T chăm sóc từ nhỏ đến nay, các cháu phát triển bình thường, các cháu có nguyện vọng ở với bố, do đó giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và

83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, anh T không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh T nên chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Duy T ly hôn chị Đào Thị X.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/02/2005 và Nguyễn Đào Huyền T1, sinh ngày 11/5/2007 cho anh Nguyễn Duy T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Duy T không yêu cầu chị Đào Thị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Đào Thị X được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ tạm ứng theo biên lai 0000741 ngày 24/12/2019 của Cục THADS tỉnh Hải Dương. Anh T đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân Việt, huyện Bình Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn